

KỶ NIỆM 65 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2-9

“TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP” – ÁNG HÙNG VĂN LẬP QUỐC MANG GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VÀ Ý NGHĨA THỜI ĐẠI

ĐẶNG HỮU TOÀN (*)

Với tư cách bản Tuyên ngôn lập quốc của nước Việt Nam mới, trong suốt 65 năm qua, “Tuyên ngôn độc lập” đã đi vào lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam với tư cách lời tuyên bố danh thép về quyền tự do, độc lập, quyền dân tộc tự quyết của dân tộc Việt Nam, về các quyền cơ bản của con người mà nhân dân Việt Nam xứng đáng được hưởng. Không chỉ thế, “Tuyên ngôn độc lập” còn được thừa nhận là nền tảng chính trị - pháp lý của nước Việt Nam mới, hàm chứa những giá trị truyền thống và đương đại, do vậy, nó luôn mang giá trị lịch sử, ý nghĩa thời đại và mãi trường tồn cùng với sự trường tồn của dân tộc Việt Nam. Nhân kỷ niệm 65 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2-9, trong bài viết này, tác giả đã đưa ra và luận giải giá trị lịch sử, ý nghĩa thời đại của “Tuyên ngôn độc lập”.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945 đã đi vào lịch sử hào hùng với truyền thống hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam với tư cách ngày khai sinh ra nước Việt Nam mới – nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông - Nam châu Á. Đó cũng là ngày mà cách đây vừa đúng 65 năm, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, giữa lòng thủ đô Hà Nội nghìn năm văn hiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh – nhà tư tưởng vĩ đại, nhà lý luận thiên tài của cách mạng Việt Nam, người tổ chức và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam – đã thay mặt Chính phủ và toàn thể nhân dân Việt Nam trình đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* để tuyên bố trước nhân dân toàn thế giới rằng, nước Việt Nam đã thực sự trở thành nước tự do, độc lập; dân tộc Việt Nam, toàn thể nhân dân Việt Nam xứng đáng có quyền hưởng tự do, độc lập ấy và

các quyền cơ bản khác của con người; vì các quyền xứng đáng được hưởng đó, toàn thể dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để bảo vệ và giữ vững các quyền ấy.

65 năm qua, kể từ thời khắc lịch sử ấy, dân tộc Việt Nam ta đã trải qua một chặng đường lịch sử đầy sóng gió, từ hai cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược đến khủng hoảng kinh tế - xã hội cuối những năm 70 – đầu những năm 80 của thế kỷ XX và những khó khăn, thử thách đầy cam go ở thời kỳ đổi mới đất nước. Song, 65 năm đó cũng là chặng đường lịch sử hết sức hào hùng và rất đổi vẻ vang với những chiến công thần thánh, vang dội khắp năm châu bốn biển của dân tộc Việt

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Phó tổng biên tập Tạp chí Triết học.

Nam ta, từ “Chiến thắng Điện Biên lấy lòng thế giới” đến Đại thắng mùa Xuân năm 1975 bằng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử và giờ đây là những thành công rất đáng tự hào của công cuộc đổi mới đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong suốt chiều dài lịch sử 65 năm ấy, *Tuyên ngôn Độc lập* vẫn luôn khắc sâu vào tâm khảm của bao thế hệ người Việt Nam chúng ta, vẫn sáng ngời giá trị lịch sử vĩnh hằng và ý nghĩa thời đại lớn lao. Không chỉ thế, sau chặng đường 65 năm, giờ đây, chúng ta hoàn toàn có quyền khẳng định và tin tưởng chắc chắn rằng, *Tuyên ngôn Độc lập* mãi trường tồn với lịch sử dân tộc Việt Nam ta với tư cách ấy trong tương lai. Không thể khác, bản *Tuyên ngôn* bất hủ này mãi đi cùng lịch sử dân tộc Việt Nam ta không chỉ với tư cách một áng văn lập quốc vĩ đại, một kiệt tác về tư tưởng, lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà còn với tư cách bản tổng kết những giá trị tinh thần của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của dân tộc ta, nhân dân ta; đồng thời cũng là lời *Tuyên ngôn* mở đầu kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam ta – kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Thật vậy, trong 65 năm qua, nhiều chính khách, nhiều học giả trong giới nghiên cứu và giảng dạy lý luận ở nước ta và trên thế giới đã đi đến một nhận định nhất quán rằng, *Tuyên ngôn Độc lập* là nền tảng chính trị - pháp lý của nước Việt Nam mới (nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trước đây, nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay), hàm chứa những giá trị truyền thống và đương đại, mang giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại. Rằng, *Tuyên ngôn Độc lập* là lời tuyên bố

về quyền lựa chọn con đường độc lập, tự do của mỗi dân tộc, về quyền dân tộc tự quyết và các quyền cơ bản của con người: “*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*”. Khi trích dẫn lại những lời bất hủ này trong *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mỹ (công bố ngày 4 tháng 7 năm 1776), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: *Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do*”(1) (chúng tôi nhấn mạnh – Đ.H.T.). Tiếp đó, khi trích dẫn lại một câu bất hủ nữa trong *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Dân chủ tư sản Pháp 1789 – 1794 (công bố ngày 26 tháng 8 năm 1791): “*Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi*”, Người khẳng định: “*Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được*”(2) (chúng tôi nhấn mạnh – Đ.H.T.).

Lời khẳng định đanh thép đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho thấy, *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới không chỉ là lời tuyên bố về quyền độc lập, tự do của mỗi dân tộc, mà còn là lời tuyên bố về quyền độc lập, tự do của mỗi con người; không chỉ là lời tuyên bố về quyền được sống, được tồn tại, được mưu cầu hạnh phúc của mỗi dân tộc, mà còn là lời tuyên bố về quyền được sống, được tồn tại, được

(1) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.4. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.1.

(2) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.1.

mưu cầu hạnh phúc của mỗi con người; và khác với độc lập dân tộc giành được theo con đường cách mạng dân chủ tư sản, ở đây, độc lập dân tộc gắn liền với lợi ích của nhân dân lao động.

Không chỉ là lời tuyên bố về quyền độc lập, tự do, quyền được sống, được tồn tại và mưu cầu hạnh phúc của mỗi dân tộc, mỗi con người, *Tuyên ngôn Độc lập* trước hết và trên hết là lời tuyên bố về nền độc lập của nước Việt Nam mới, về quyền tự do, dân chủ cho dân tộc Việt Nam, cho mỗi người dân của nước Việt Nam mới. Với Cách mạng tháng Tám vĩ đại – thành quả của ba cao trào cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo (cao trào 1930 – 1931 với đỉnh cao là Xôviết Nghệ tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939 và phong trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945), dân tộc ta, nhân dân ta đã giành được nền độc lập cho dân tộc, quyền tự do, dân chủ cho nhân dân. Khi thực dân Pháp rút chạy, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, vua Bảo Đại buộc phải thoái vị, chớp thời cơ lịch sử đó, Đảng đã lãnh đạo nhân dân cả nước nhất tề đứng dậy giành chính quyền, “đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm... để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập”, “đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”(3). Bởi vậy, nước Việt Nam mới – nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hoàn toàn có quyền tuyên bố về quyền dân tộc tự quyết, có quyền “tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam”. Và, “các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các Hội nghị

Têhêrăng và Cựu Kim Sơn (Xan Phanxixô)”, cũng như các nước khác trên toàn thế giới “quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam”, bởi “một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm..., một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít..., dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”(4). Với những lời khẳng định đanh thép đó, thay mặt Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thay mặt toàn thể những người dân của nước Việt Nam mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình trọng tuyên bố với thế giới rằng: “*Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập*”. Rằng, “*toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy*”(5) (chúng tôi nhấn mạnh – Đ.H.T.).

Như vậy, có thể nói, nếu *Tuyên ngôn Độc lập* của Cách mạng Mỹ và *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp chỉ đưa ra và khẳng định các quyền cá nhân của con người như một sản phẩm tự nhiên mang tính tiền định, thì *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới mà Chủ tịch Hồ Chí Minh thay Chính phủ và toàn thể nhân dân Việt Nam trình trọng tuyên bố với thế giới vừa đưa ra và khẳng định quyền dân tộc tự quyết, quyền bình đẳng giữa các dân tộc, vừa đồng thời khẳng định rằng, để đi tới các quyền tự do, bình đẳng, quyền mưu sinh cho mỗi con người, trước hết phải giành cho được quyền tự do, độc lập cho

(3) Hồ Chí Minh. *Sdd.*, t.4, tr.3.

(4) Hồ Chí Minh. *Sdd.*, t.4, tr.3.

(5) Hồ Chí Minh. *Sdd.*, t.4, tr.4.

dân tộc. Nói cách khác, *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới khẳng định nền độc lập tự do của dân tộc là điều kiện đầu tiên, bao trùm và tiên quyết cho việc tạo dựng các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và mưu sinh, mưu cầu hạnh phúc cho mỗi con người và cho cả cộng đồng dân tộc. Rõ ràng, sự khẳng định đó được bắt nguồn từ truyền thống vốn có của dân tộc Việt Nam ta – truyền thống đặt sự tồn tại của cả cộng đồng dân tộc lên trên sự tồn tại của mỗi cá nhân con người, coi “*quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*”(6).

Xuất phát từ truyền thống hào hùng trong suốt chiều dài lịch sử hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta mà xét, có thể nói, *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới chính là sự kế thừa có sáng tạo để nâng lên tầm cao mới quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của dân tộc – “Toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước”(7). Vì những quyền thiêng liêng nhất ấy mà cả dân tộc ta, hết thảy mọi người dân nước Việt “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”(8) và cho “dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn”, dân tộc Việt Nam cũng “kiên quyết giành cho được độc lập”, cũng quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc, quyết tâm thực hiện bằng được độc lập, thống nhất trọn vẹn cho dân tộc, cho đất nước.

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam ta, ngay từ thế kỷ XI (năm 1077), anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt, sau khi lãnh đạo quân dân nước Việt chống quân xâm lược nhà Tống thắng lợi, đã viết “*Nam quốc sơn hà Nam đế cư*” – áng văn bất hủ được nhân dân truyền tụng và xem như bản

Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Đến thế kỷ XV, sau cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Minh kéo dài 10 năm (1418 – 1428) kết thúc thắng lợi, Nguyễn Trãi – anh hùng dân tộc, người cùng với Lê Lợi phát cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn (Thanh Hóa) đã viết “*Bình Ngô đại cáo*” – bản *Tuyên ngôn Độc lập thứ hai trong lịch sử dân tộc Việt Nam* – để nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự cường của dân tộc ta và khẳng định danh thếp quyền được sống, được tồn tại trong thái bình, thịnh vượng của người dân nước Việt. Tiếp nối truyền thống hào hùng đó, sau Cách mạng tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh – người không chỉ được tôn vinh là anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam, mà còn được thừa nhận là người khởi xướng cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa trong thế kỷ XX - đã trình trọng tuyên bố với thế giới bản *Tuyên ngôn Độc lập thứ ba trong lịch sử dân tộc Việt Nam* – *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới để một lần nữa khẳng định nền độc lập tự do cho dân tộc Việt Nam, sự toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc Việt Nam, quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam với các dân tộc khác trên thế giới, khẳng định quyền thực sự làm chủ đất nước của mọi người dân nước Việt và nêu cao tinh thần bất khuất, quật cường, không bao giờ cam tâm làm nô lệ của dân tộc ta, nhân dân ta.

Trong lịch sử thế giới, tính từ những thập niên cuối của thế kỷ XVIII, ngày 4 tháng 7 năm 1776, nhân loại toàn thế giới đã chứng kiến sự ra đời *Tuyên ngôn*

(6) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.3, tr.198.

(7) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.469.

(8) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.480.

Độc lập của nước Mỹ. Đây không chỉ là lời tuyên bố về nền độc lập của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ sau khi kết thúc nội chiến, mà còn là lời tuyên bố về các quyền cơ bản của con người, thể hiện nguyện vọng của các dân tộc thuộc địa ở Bắc Mỹ trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do cho nhân dân Mỹ lúc bấy giờ. Sau đó 15 năm, ngày 26 tháng 8 năm 1791, nhân loại toàn thế giới lại được chứng kiến sự ra đời *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của nước Pháp sau thắng lợi của cuộc Cách mạng Dân chủ tư sản. Bản Tuyên ngôn này đã công khai thừa nhận các quyền tự do, dân chủ của con người, quyền bình đẳng của mọi người trước pháp luật, quyền chống áp bức, bóc lột và do vậy, nó đã có ảnh hưởng lớn tới cuộc đấu tranh của nhân dân các nước đang chống chế độ phong kiến lúc bấy giờ. Đầu thế kỷ XX, nhân loại toàn thế giới lại một lần nữa được chứng kiến sự ra đời *Tuyên ngôn về quyền của nhân dân lao động bị áp bức* của nước Nga Xôviết sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười vĩ đại (ngày 7 tháng 11 năm 1917). Đây là bản Tuyên ngôn mở đầu một thời đại mới – thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, thúc tỉnh giai cấp công nhân và toàn thể nhân loại bị áp bức, soi sáng con đường cho các dân tộc bị nô dịch, áp bức đi tới cách mạng giải phóng và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tiếp theo bản Tuyên ngôn này của nước Nga Xôviết, *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử nhân loại đương đại – thời kỳ các nước thuộc địa và nửa thuộc địa vùng lên giành độc lập, làm tan rã chế độ thực dân cũ, đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội theo con đường quá độ gián tiếp, với phương thức phát triển “rút ngắn”.

Sự ra đời *Tuyên ngôn Độc lập* của nước

Việt Nam mới không phải là tự phát, mà đã được suy ngẫm từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là người thanh niên yêu nước Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxây bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* (ngày 18 tháng 1 năm 1919) gồm 8 điểm để đòi các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam(9). Nó là kết quả của một sự khám phá lớn, của một quá trình khảo nghiệm sâu sắc không chỉ những bản Tuyên ngôn lập quốc bất hủ trong lịch sử nhân loại, mà cả những bản Tuyên ngôn lập quốc bất hủ và những bài học lịch sử trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Trong *Tuyên ngôn Độc lập*, tư tưởng Hồ Chí Minh về *quyền dân tộc tự quyết* và *các quyền cơ bản của con người* đã gắn kết với nhau một cách nhuần nhuyễn. Quyền dân tộc thiêng liêng và quyền cơ bản của con người – hai lĩnh vực công pháp quốc tế và pháp luật quốc tế - đã được Người gắn kết hữu cơ với nhau, hòa quyện với nhau làm một để từ đó, phát triển lên cùng với thực tiễn đấu tranh anh dũng của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh lâu dài nhằm giành lại quyền sống, quyền tồn tại cho dân tộc trong độc lập, tự do và bình đẳng với các dân tộc khác, quyền tự do, dân chủ, quyền mưu sinh, mưu cầu hạnh phúc cho hết thảy mọi người dân nước Việt. *Quyền dân tộc thiêng liêng* mà Người đã khẳng định ở đây cũng chính là *quyền dân tộc cơ bản* mà dân tộc ta hoàn toàn có quyền được hưởng. Đó là *sự độc lập về chủ quyền, sự thống nhất và toàn vẹn về lãnh thổ. Độc lập cho dân tộc* mà Người khẳng định ở đây là *nền độc lập thực sự, độc lập hoàn toàn* của một dân tộc. Dân tộc đó có đầy đủ chủ quyền quốc gia về chính trị,

(9) Xem: Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.1, tr.435 - 436.

kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh... và toàn vẹn lãnh thổ. *Nền độc lập đó phải được thực hiện một cách triệt để* mà theo đó, *nước Việt Nam là của người Việt Nam, mọi vấn đề thuộc chủ quyền quốc gia Việt Nam phải do người Việt Nam tự giải quyết*. Nền độc lập đó chỉ có ý nghĩa và giá trị thực sự, khi nó *được thể hiện bằng quyền tự do, dân chủ và hạnh phúc của nhân dân*. Dân tộc được độc lập, nhân dân được tự do, dân chủ và hạnh phúc, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành không chỉ là điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định khi trịnh trọng tuyên bố với thế giới *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới, mà còn là hoài bão, là lý tưởng, là ham muốn tốt bậc, suốt đời của Người.

Tư tưởng độc lập cho dân tộc, tự do và dân chủ cho nhân dân, quyền cơ bản cho con người mà, trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định, *vẫn nguyên giá trị trong thời đại ngày nay*, khi mà giờ đây, chúng ta và cả cộng đồng nhân loại tiến bộ trên thế giới đều nhận thức một cách rõ ràng rằng, trong thời đại ngày nay, việc bảo vệ quyền con người phải được gắn kết với những mục tiêu lớn của nhân loại: hòa bình và an ninh quốc tế, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Thực tiễn lịch sử nhân loại nhiều thế kỷ qua cũng đã cho thấy, một dân tộc không có chủ quyền thì ở đó, cũng không thể có con người tự do, dân chủ, bình đẳng, hạnh phúc. Rằng, giờ đây, trong công cuộc đổi mới đất nước, việc chúng ta xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa cũng chính là đang thực hiện và phát triển tư tưởng cơ bản đó của *Tuyên ngôn Độc lập*.

Không chỉ khẳng định tư tưởng độc lập cho dân tộc, tự do và dân chủ cho nhân

dân, quyền cơ bản cho con người, *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới còn thể hiện sâu sắc *truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng, ý chí độc lập tự chủ, tự lực tự cường* mà dân tộc ta đã hun đúc nên qua hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Trong suốt chiều dài lịch sử đó, dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam đã không phải một lần đối đầu với những thử thách khốc liệt và phải tự mình lựa chọn hoặc là “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, chấp nhận hy sinh, mất mát cho dù có to lớn đến đâu chăng nữa, kể cả tính mạng, xương máu, kể cả phải “đốt cháy cả dãy Trường Sơn” để giữ vững quyền tự do, độc lập cho dân tộc, hoặc là chịu sự đồng hóa, nô dịch để rồi đi đến chỗ diệt vong. Với những truyền thống quý báu, nhất là truyền thống yêu nước, đã được hun đúc bởi chiều dài lịch sử, chiều sâu ý chí, bằng những cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất, chấp nhận mọi hy sinh, mất mát, kể cả tính mạng, xương máu, dân tộc ta, nhân dân ta đã đánh thắng nhiều thế lực xâm lược hùng mạnh hơn mình gấp bội, giữ vững quyền sống, quyền được tồn tại bình đẳng, quyền tự do và độc lập cho dân tộc, “quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do” cho nhân dân với tư cách những quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm, bảo vệ vững chắc cả ý chí lẫn khát vọng được sống, được hạnh phúc trong độc lập, tự do cho cả cộng đồng dân tộc và cho mỗi người dân nước Việt.

Không chỉ thể hiện sâu đậm truyền thống hào hùng, ý chí kiên cường, bất khuất xuyên suốt lịch sử nhiều thế kỷ đó của dân tộc Việt Nam ta, của nhân dân Việt Nam ta, *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới còn phản ánh một

tính cách, một tâm thế cũng rất đặc thù Việt Nam – đó là *sự đoàn kết, đồng tâm, nhất trí, cố kết dân tộc* để tạo nên sức mạnh cộng đồng và khát vọng vươn tới tự khẳng định mình với tư cách một dân tộc, một quốc gia có chủ quyền với lòng tự tôn, tự hào chính đáng. Tính cách, tâm thế đặc thù Việt Nam này đã trở thành một giá trị tinh thần mang sức mạnh vật chất, có sức lôi cuốn, cổ vũ và nuôi dưỡng các thế hệ người Việt Nam kế tiếp nhau, dù trong máu lửa, đạn bom, dù có phải hy sinh cả tính mạng vẫn không đánh mất mình với tư cách một dân tộc độc lập, không chấp nhận “trở thành cái bóng mờ của người khác, của dân tộc khác”.

Thể hiện và phản ánh những truyền thống đó, những giá trị tinh thần đó của dân tộc ta, nhân dân ta, trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh thép khẳng định, dù kẻ thù xâm lược có hùng mạnh đến mấy, kể cả khi nó “lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta”, hành động “trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”, “thi hành những luật pháp dã man”, lập ra những chế độ khác nhau trên đất nước ta “để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết”, “lập ra nhà tù nhiều hơn trường học”, “thăng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta”, “tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu”, “bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều”, “làm cho nòi giống ta suy nhược”(10),... thì khí phách anh hùng, tinh thần quật cường, ý chí bền bỉ, lòng quyết tâm cao độ để giành lại độc lập, tự do, bình đẳng cho dân tộc, mang lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân của cả dân tộc ta, của mỗi

người dân nước Việt không những không hề bị mai một, mà càng được tôi luyện, hun đúc và nhân lên sức mạnh vốn có của nó một cách mạnh mẽ. Và, chính là nhờ đó, chúng ta đã “dựng nên nước Việt Nam độc lập”, “lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”. Lời khẳng định danh thép này của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được minh chứng bằng những bằng thắng lợi hoàn toàn của Cách mạng tháng Tám vĩ đại, mà còn bằng “Chiến thắng Điện Biên lẫy lừng thế giới”, bằng Đại thắng mùa Xuân 1975 lịch sử, giải phóng toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Thêm nữa, *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới còn là *sự kết tinh cao đẹp của bản lĩnh và phẩm giá con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam*. Từ các bản Tuyên ngôn dựng nước và giữ nước của các thế hệ cha ông chúng ta trong lịch sử đến *Tuyên ngôn Độc lập* này, tiếng nói chung, ý chí chung của cả dân tộc ta đều được khẳng định, được phản ánh và thể hiện một cách đậm nét, danh thép. Dù cách diễn đạt, cách thể hiện có khác nhau, nhưng các bản Tuyên ngôn ấy đều là những áng văn bất hủ và trên hết, nội dung và ý tưởng vẫn là một. Dẫu cho khoảng cách về thời gian có thể cách xa nhau hàng thiên niên kỷ, nhưng tư tưởng, quan điểm, quan niệm về quyền dân tộc tự quyết, cơ bản và thiêng liêng của dân tộc Việt Nam với tư cách một quốc gia độc lập, có chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, về các quyền con người của người Việt Nam với tư cách con người theo đúng nghĩa của từ này đều được các bản Tuyên ngôn ấy khẳng định một cách kiên quyết, tuyên bố một cách danh thép mà “không ai chối cãi được”, không ai “không thể không công nhận”.

(10) Xem: Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.1 - 2.

Có thể nói, bản lĩnh và phẩm giá Việt Nam mà, trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kết tinh và thể hiện một cách sâu sắc là bản lĩnh và phẩm giá của cả một dân tộc biết dựng xây và giữ gìn quyền sống, quyền tồn tại của cả cộng đồng với tư cách một dân tộc; đồng thời cũng phản ánh một cách đậm nét khát vọng sống, khát vọng tồn tại của con người Việt Nam; và hơn nữa, đó còn là khát vọng được sống, được tồn tại trong độc lập, tự do với tư cách một động lực tinh thần mạnh mẽ thúc đẩy mỗi con người Việt Nam và cả cộng đồng dân tộc Việt Nam phát triển theo hướng tiến bộ, văn minh.

Chúng ta đều biết, trong lịch sử nhân loại, “sự biến mất” trên bản đồ chính trị thế giới của một số dân tộc nào đó, cộng đồng người nào đó đã được coi là sự kiện chúng ta không ít dân tộc, không ít cộng đồng người, do những nguyên nhân khác nhau, đã không vượt qua được sự nô dịch, đồng hóa của các thế lực xâm lăng. Xét trên bình diện này, có thể khẳng định, việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ mà, trong *Tuyên ngôn Độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình trọng tuyên bố trước toàn thế giới chính là thành quả cao quý nhất trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, là thước đo sự trưởng thành vượt bậc trong ý thức, tinh thần dân tộc, trong bản lĩnh và phẩm giá của người Việt Nam chúng ta.

Trong lịch sử Việt Nam, lịch sử hào hùng của hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã từng phải vượt qua không chỉ một lần nguy cơ bị đồng hóa, bị diệt vong để rồi quật cường tự đứng lên, tự mình khẳng định quyền tồn tại, quyền tự quyết của dân tộc mình.

Thế nhưng, từ giữa thế kỷ XIX, vận mệnh dân tộc lại đứng trước một thử thách mới, hết sức hiểm nghèo – đó là sự xâm lăng, nô dịch núp dưới chiêu bài khai hóa văn minh, tự do, bình đẳng, bác ái, nhưng lại với ý đồ rất rõ ràng là xâm chiếm vĩnh viễn, đồng hóa và xóa sổ Việt Nam trên bản đồ chính trị thế giới của một cường quốc có tiềm lực kinh tế, khoa học – kỹ thuật, quân sự hùng mạnh hơn chúng ta rất nhiều. Chính trong thử thách hiểm nghèo đó, bản lĩnh và phẩm giá con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam được hun đúc suốt chiều dài lịch sử dân tộc lại một lần nữa thức tỉnh, khơi dậy truyền thống hào hùng trong đấu tranh dựng nước và giữ nước, chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. Và, cũng chính bản lĩnh, phẩm giá cao quý đó đã đưa Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh vượt qua lối mòn lịch sử đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, kết hợp một cách tự nhiên tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác – Lênin để từ đó, bắt đầu sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp và giải phóng con người trên nền tảng lý luận cách mạng vô sản, lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam, dẫn dắt Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam và cả dân tộc Việt Nam đi đến thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám, khai sinh ra nước Việt Nam mới bằng *Tuyên ngôn Độc lập* bất hủ.

Ngày nay, chúng ta hoàn toàn có quyền tự hào mà nói rằng, *Tuyên ngôn Độc lập* – áng hùng văn lập quốc vĩ đại – đã được cả dân tộc Việt Nam ta viết nên bằng xương máu, bằng nghị lực, quyết tâm giành lại và bảo vệ, giữ gìn cho bằng được quyền sống, quyền tồn tại trong độc lập, tự do, bình đẳng và dân chủ, trong hòa bình, hạnh phúc của cả cộng đồng dân tộc và của mỗi người dân nước Việt.

Rằng, "*Tuyên ngôn Độc lập* là kết quả của bao nhiêu máu đổ, bao nhiêu tính mệnh đã hy sinh của những con người anh dũng của Việt Nam trong nhà tù, trong trại tập trung, trong những hải đảo xa xôi, trên máy chém, trên chiến trường"(11). Rằng, *Tuyên ngôn độc lập chính là sự kết tinh, thể hiện và phản ánh truyền thống hào hùng, giá trị tinh thần bền vững, bản lĩnh và phẩm giá cao đẹp của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong trường kỳ lịch sử, chứa đựng cả giá trị lịch sử vĩnh hằng lẫn ý nghĩa thời đại to lớn. Bản Tuyên ngôn Độc lập này còn là nền tảng chính trị - pháp lý của nước Việt Nam mới. Trên bình diện quốc gia cũng như trên bình diện quốc tế, Tuyên ngôn Độc lập đều chứa đựng những yếu tố vượt thời đại và với tư cách đó, nó mang sức sống mãnh liệt và mãi trường tồn với thời gian.*

Thật vậy, quyền dân tộc tự quyết, các quyền cơ bản của con người với tư cách những quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm mà, trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình trọng tuyên bố trước nhân dân toàn thế giới không chỉ là những giá trị bất hủ dành riêng cho dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam, mà còn là những giá trị bất hủ dành cho mọi dân tộc, cho cả nhân loại. Hưởng đến các quyền đó là xu thế tất yếu của mọi dân tộc, của tất cả mọi người trong cộng đồng nhân loại ở thời đại ngày nay. Chính vì lẽ đó, khi *Tuyên ngôn Độc lập* được công bố đã làm nức lòng các dân tộc và nhân dân các nước gần xa có chung cảnh ngộ như dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam; nó báo hiệu một thời đại mới – thời đại giải phóng các dân tộc và nhân dân các nước thuộc địa khỏi ách áp bức, bóc lột của chủ nghĩa thực dân trên quy mô toàn

cầu, thời đại phá tan xiềng xích của chủ nghĩa thực dân, thời đại của các dân tộc và nhân dân các nước bị áp bức, bóc lột giành lại quyền sống, quyền tồn tại trong độc lập, tự do, hòa bình và bình đẳng cho dân tộc mình, quyền sống, quyền tự do, dân chủ và mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân mình.

"Không có gì quý hơn độc lập, tự do" và do vậy, phải "quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy" là một giá trị vừa mang ý nghĩa lịch sử, vừa mang ý nghĩa thời đại và do đó, là một giá trị vĩnh hằng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại đã rút ra không chỉ từ thực tiễn đấu tranh của riêng mình, của dân tộc Việt Nam, mà cả từ thực tiễn đấu tranh của nhiều vĩ nhân, nhiều dân tộc trên thế giới trong suốt chiều dài lịch sử và đương đại. Giá trị này không chỉ luôn được đặt ra trong thời kỳ chủ nghĩa thực dân đang thống trị thế giới, mà còn luôn được đặt ra trong thời đại ngày nay, khi những kẻ đại diện cho quyền lợi ích kỷ của các nước lớn, các cường quốc vẫn nhân danh quyền con người, ủng hộ dân chủ để can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của các dân tộc khác, của các nước đang trên con đường phát triển, tự khẳng định.

65 năm trước, trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bóc trần bộ mặt giả nhân, giả nghĩa, hành động "trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa" của những kẻ nhân danh "lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái" để áp bức, bóc lột các dân tộc khác, can thiệp trắng trợn vào công việc nội bộ của nước khác. Đó không chỉ là vấn đề lịch sử, mà

(11) Trần Dân Tiên. *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Nxb Văn học, Hà Nội, 1970, tr.116.

còn là vấn đề mang tính thời sự nóng hổi, khi mà giờ đây, các thế lực phản động quốc tế vẫn tiếp tục chiêu bài cũ và nhân danh quyền con người, ủng hộ dân chủ để thực hiện âm mưu, chiến lược “diễn biến hòa bình”, can thiệp thô bạo và ngày càng tinh vi vào công việc nội bộ của các quốc gia dân tộc đang trên con đường phát triển trong độc lập, tự chủ. Chính vì vậy mà giờ đây, đối với chúng ta, khát vọng hòa bình, độc lập, tự do, dân chủ và bình đẳng, tiến bộ và công bằng xã hội mà, trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới, chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình trọng tuyên bố lại càng trở nên nóng bỏng hơn bao giờ hết. Cuộc đấu tranh của chúng ta nhằm thực hiện cho kỳ được khát vọng đó còn gặp nhiều trở ngại, thách thức to lớn, còn rất gian khổ và hết sức phức tạp. Song, có thể nói, thắng lợi của cuộc đấu tranh này là tất yếu, bởi đó là quy luật phát triển của lịch sử, là nguyện vọng và ý chí không chỉ của dân tộc ta, nhân dân ta, mà còn là nguyện vọng và ý chí của các dân tộc, của nhân dân các nước trên phạm vi toàn thế giới, và do vậy, không một thế lực nào, kể cả những thế lực có tiềm lực kinh tế, quân sự vào bậc nhất, có thể ngăn cản được.

Nhân *Kỷ niệm 65 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2 – 9* trong bối cảnh nhân dân cả nước, cả dân tộc Việt Nam ta đang sôi nổi trong những hoạt động xã hội rộng lớn hướng tới *Đại lễ Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long – Hà Nội*, chúng tôi muốn nói thêm rằng, *Tuyên ngôn Độc lập* hoàn toàn có cơ sở, cả lý luận lẫn thực tiễn, để mãi trường tồn cùng thời gian với tư cách một áng văn lập quốc vĩ đại, bản hùng văn mang đầy hào khí của một dân tộc anh hùng. Với những lập luận chặt chẽ, ý tứ sâu xa, vừa đánh thép về luật pháp quốc tế, vừa nồng

nàn tình cảm của một dân tộc vốn luôn giữ vững “một thái độ khoan hồng và độ lượng”, *Tuyên ngôn* này hoàn toàn xứng đáng được thừa nhận là một áng văn bất hủ không chỉ thể hiện và phản ánh được khí phách hào hùng của các thế hệ người Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, mà còn thấu tóm được cả tinh thần của thời đại chúng ta hôm nay.

Tuyên ngôn Độc lập này của nước Việt Nam mới còn hoàn toàn xứng đáng được coi là một kiệt tác về tư tưởng, lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh – anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn, nhà hiền triết của thời đại chúng ta. Không chỉ thế, *Tuyên ngôn* này còn thể hiện tình cảm yêu nước nồng nàn, lòng tự hào với truyền thống anh hùng, bất khuất của dân tộc Việt Nam vốn đã in đậm dấu ấn ở Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ý chí sắt đá trong bản hùng văn này, độ nhạy cảm, tinh tế về chính trị, sự am hiểu sâu sắc về nền văn hóa dân tộc và văn hóa thế giới, tính nhân đạo và nhân văn trong lối sống, trong phong cách ứng xử, cộng với trí tuệ sắc sảo trong tư duy và tài hành văn, sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt đến độ tinh tế, trong sáng và uyển chuyển của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đem lại cho *Tuyên ngôn Độc lập* quyền mãi trường tồn cùng thời gian không chỉ với tư cách một văn bản chính trị, một bản Tuyên ngôn lập quốc vĩ đại, hoàn toàn xứng đáng như một áng hùng văn lập quốc mang giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại, mà còn với tư cách nỗi niềm sâu lắng, khát vọng cháy bỏng của một dân tộc mới hồi sinh và thực sự đã hồi sinh, là tiếng nói từ đáy lòng của một anh hùng dân tộc suốt đời phấn đấu, hy sinh cho độc lập, tự do của Tổ quốc mình, dân tộc mình, cho hạnh phúc của nhân dân mình – Tổ quốc Việt Nam, dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam. □